

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

---

*Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2018*

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Viettronics Tân Bình (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Tổng Giám đốc
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Bảo Thạch	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Đức	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Bà Trương Thị Thùy Linh

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 30/06/2018 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Dương Ngọc Duy**  
**Tổng Giám đốc**

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 08 năm 2018, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 và Báo cáo tài chính đã được soát xét tại ngày 30/06/2017 được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 0666- 2018- 112- 1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>449.033.190.179</b>	<b>596.512.123.091</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.030.518.652	3.663.460.209
Tiền	111		3.030.518.652	3.663.460.209
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	54.200.000.000	69.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.200.000.000	69.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		326.923.038.986	445.799.979.357
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	310.467.163.190	438.041.270.440
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.872.867.776	4.939.826.474
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.593.620.260	2.829.494.683
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(10.612.240)	(10.612.240)
Hàng tồn kho	140	10	59.862.007.208	72.060.853.975
Hàng tồn kho	141		59.862.007.208	72.060.853.975
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.017.625.333	5.287.829.550
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.901.458.533	3.262.744.325
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.116.166.800	2.025.085.225
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>75.735.963.774</b>	<b>79.121.069.322</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.330.535.680	8.330.535.680
Trả trước cho người bán dài hạn	212		8.330.535.680	8.330.535.680
Tài sản cố định	220		44.145.170.902	46.600.441.916
Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.398.833.688	25.550.241.986
- Nguyên giá	222		83.293.039.120	83.293.039.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.894.205.432)	(57.742.797.134)
Tài sản cố định vô hình	227	12	20.746.337.214	21.050.199.930
- Nguyên giá	228		26.879.755.225	26.879.755.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.133.418.011)	(5.829.555.295)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.773.910.045	3.773.910.045
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	3.773.910.045	3.773.910.045
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	4.681.989.312	4.681.989.312
Đầu tư vào công ty con	251		9.710.300.000	9.710.300.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.028.310.688)	(5.028.310.688)
Tài sản dài hạn khác	260		14.804.357.835	15.734.192.369
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	14.804.357.835	15.734.192.369
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>524.769.153.953</b>	<b>675.633.192.413</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>332.903.328.923</b>	<b>479.632.575.824</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>326.498.086.105</b>	<b>473.912.813.657</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	256.497.310.946	435.288.061.879
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.918.820.921	6.246.894.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.260.514.602	2.677.098.754
Phải trả người lao động	314		2.475.135.672	4.442.029.689
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	13.768.638.945	9.358.326.517
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.150.984.880	15.471.470.650
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	27.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.426.680.139	428.932.168
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.405.242.818</b>	<b>5.719.762.167</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	6.405.242.818	5.719.762.167
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>191.865.825.030</b>	<b>196.000.616.589</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>191.865.825.030</b>	<b>196.000.616.589</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.820.500.000	119.820.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
Cổ phiếu quỹ	415		(22.877.138.591)	(22.877.138.591)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.335.740.792	7.335.740.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.280.324.029	22.415.115.588
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.856.651.717	14.386.456.955
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.423.672.312	8.028.658.633
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>524.769.153.953</b>	<b>675.633.192.413</b>



**Vũ Dương Ngọc Duy**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

**Trương Thị Thùy Linh**  
Kế toán trưởng

**Hà Ngọc Yến**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	236.284.050.152	336.967.098.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	97.351.176	792.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		236.186.698.976	336.966.306.377
Giá vốn hàng bán	11	21	209.852.628.232	312.663.191.984
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.334.070.744	24.303.114.393
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.750.020.608	2.923.207.596
Chi phí tài chính	22	23	346.173.682	1.603.522.502
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		233.587.670	97.250.000
Chi phí bán hàng	25	24	16.422.347.195	15.420.799.040
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.407.187.047	5.682.523.395
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.908.383.428	4.519.477.052
Thu nhập khác	31		173.322.516	256.148.213
Chi phí khác	32		302.115.554	311.761.905
Lợi nhuận khác	40		(128.793.038)	(55.613.692)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.779.590.390	4.463.863.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.355.918.078	892.772.672
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.423.672.312	3.571.090.688



Vũ Dương Ngọc Duy  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Trương Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Hà Ngọc Yến  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		384.895.263.739	492.430.976.544
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(397.561.595.182)	(408.448.776.824)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(9.982.413.000)	(9.063.213.000)
Tiền lãi vay đã trả	4		(117.587.670)	(152.687.500)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(2.915.411.020)	(4.060.646.093)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.193.390.209	2.500.086.772
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(18.223.582.169)	(37.511.455.182)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(41.711.935.093)</b>	<b>35.694.284.717</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.500.000.000)	(36.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.000.000.000	23.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.567.994.901	654.848.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>17.067.994.901</b>	<b>(12.845.151.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		52.400.000.000	16.800.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.400.000.000)	(28.800.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.989.001.365)	(14.812.702.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>24.010.998.635</b>	<b>(26.812.702.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(632.941.557)</b>	<b>(3.963.568.783)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.663.460.209	10.910.991.053
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	3.030.518.652	6.947.422.270



Vũ Dương Ngọc Duy  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

Trương Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Hà Ngọc Yên  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300391837 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỉ đồng).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2018: 119.820.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sản xuất thiết bị điện tử - chi tiết: sản xuất sản phẩm điện lạnh, điện dân dụng. Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế, bán buôn máy phát điện.
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không sản xuất tại trụ sở).
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi - chi tiết: lắp ráp, bảo hành sản phẩm tin học, bảo dưỡng, sửa chữa máy tính.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm- chi tiết: kinh doanh sản phẩm tin học, mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông - chi tiết: kinh doanh sản phẩm điện tử, thiết bị điện tử viễn thông linh kiện điện thoại điều khiển thiết bị phát sóng.
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính - chi tiết thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông) (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).
- Sửa chữa máy móc, thiết bị chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa máy văn phòng, sửa chữa máy móc, thiết bị y tế.
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình - chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút âm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện.
- Lắp đặt hệ thống điện - chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện dân dụng.
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng - chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chụp ảnh, ti vi, loa.
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in: máy photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ, thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, bán buôn hóa chất xét nghiệm cho ngành y tế (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - chi tiết hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa ( không hoạt động tại trụ sở).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không sản xuất tại trụ sở).
- Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng - chi tiết sản xuất sản phẩm điện, điện tử ( không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện).
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính - chi tiết: sản xuất sản phẩm tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học - chi tiết: lắp ráp, bảo hành sản phẩm điện tử (không gia công cơ khí, tái chế biến thải, xi, mạ, điện tại trụ sở).
- Sửa chữa thiết bị điện - chi tiết: lắp ráp, bảo hành sản phẩm điện, điện lạnh, điện dân dụng.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - chi tiết: kinh doanh sản phẩm điện, mua bán máy giặt, giường, tủ, bàn ghế, dụng cụ y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính - chi tiết tích hợp mạng cục bộ (LAN), tư vấn phần cứng - phần mềm máy tính).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - chi tiết: doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc.
- Bốc xếp hàng hóa hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hải cảng.
- Đại lý môi giới, đấu giá - chi tiết môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải đường bộ.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018
<b>Công ty con</b>					
Công ty CP Công nghệ Thông tin VTB	248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	51,0%	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP Vitek – VTB Hà Nội	Số 15 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	81,86%	81,86%	81,86%	81,86%
Công ty CP Thương mại JS VTB	248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	70,0%	70,0%	70,0%	70,0%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty liên kết: Không có

Cơ sở đồng kiểm soát: Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình- Nhà máy sản xuất, lắp ráp tivi màu	6 Phạm Văn Hai, Q. Tân Bình, TP. HCM
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình- Nhà máy sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện dân dụng	B58/II-B59/II Đường 2E, KCN Vĩnh Lộc, H. Bình Chánh, TP. HCM
Chi nhánh Công ty Cổ phần CP Viettronics Tân Bình tại Hà Nội	Tầng 3, tòa nhà 3B Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### 3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- d. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- e. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

##### **3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

##### **3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

##### **3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG.**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (TIẾP)**

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

##### **3.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

###### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

###### *Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Doanh thu được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng (xem phần trình bày dưới đây)

###### *Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.12 THUẾ**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định cuối cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.14 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB, Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội, Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/08/2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	622.691.946	110.203.578
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.407.826.706	3.553.256.631
	<b>3.030.518.652</b>	<b>3.663.460.209</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.901.458.533</b>	<b>3.262.744.325</b>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	-	124.105.022
- Chi phí khác	3.901.458.533	3.138.639.303
<b>Dài hạn</b>	<b>14.804.357.835</b>	<b>15.734.192.369</b>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	186.051.270	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng	4.733.496.597	5.255.604.402
- Chi phí tác quyền âm nhạc	735.346.753	-
- Chi phí khác	9.149.463.215	10.478.587.967
	<b>18.705.816.368</b>	<b>18.996.936.694</b>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	-	-
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>3.773.910.045</b>	<b>3.773.910.045</b>
- Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình	1.956.144.227	1.956.144.227
- Công trình nhà xưởng tại Cát Lái	1.817.765.818	1.817.765.818
	<b>3.773.910.045</b>	<b>3.773.910.045</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**7.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm tại Ngân hàng thương mại.

**7.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>9.710.300.000</b>	<b>5.028.310.688</b>	<b>4.681.989.312</b>	<b>9.710.300.000</b>	<b>5.028.310.688</b>	<b>4.681.989.312</b>
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	3.150.300.000	1.968.310.688	1.181.989.312	3.150.300.000	1.968.310.688	1.181.989.312
+ Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	3.060.000.000	3.060.000.000	-	3.060.000.000	3.060.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	<b>9.710.300.000</b>	<b>5.028.310.688</b>	<b>4.681.989.312</b>	<b>9.710.300.000</b>	<b>5.028.310.688</b>	<b>4.681.989.312</b>

- (1) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB số tiền 3.150.300.000 đồng (Ba tỉ một trăm năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tương đương 51% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308954094 đăng ký thay đổi lần 8 ngày 06 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất phần mềm. Lập trình máy vi tính. Xử lý dữ liệu máy vi tính. Sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Hoạt động của các điểm truy cập internet ( không hoạt động tại trụ sở). Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet. Đào tạo nghề. Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- (2) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội số tiền 3.060.000.000 đồng (Ba tỉ không trăm sáu mươi triệu đồng) tương đương 81,86% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0105512799 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 13 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất linh kiện điện tử. Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính. Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học. Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu. Sản xuất máy điều hòa nhiệt độ.
- (3) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỉ năm trăm triệu đồng) tương đương 70% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0311692843 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2012 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất linh kiện điện tử. Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính. Sản xuất thiết bị truyền thông, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học. Sản xuất dây, cáp và điện tử khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>310.467.163.190</b>	-	<b>438.041.270.440</b>	-
- Công Ty TNHH SKYWORTH Việt Nam	253.627.460.357	-	393.321.806.560	-
- Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	12.285.676.767	-	6.078.681.779	-
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại JS VTB	14.684.715.725	-	14.512.675.666	-
- Công ty CP Vitek -VTB Hà Nội	26.869.972.966	-	16.898.424.685	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.999.337.375	-	7.229.681.750	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>310.467.163.190</b>	-	<b>438.041.270.440</b>	-
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
- Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	12.285.676.767	-	6.078.681.779	-
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại JS VTB	14.684.715.725	-	14.512.675.666	-
- Công ty CP Vitek -VTB Hà Nội	26.869.972.966	-	16.898.424.685	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.593.620.260</b>	<b>(10.612.240)</b>	<b>2.829.494.683</b>	<b>(10.612.240)</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	632.397.920	-	664.490.000	-
- Ký cược, ký quỹ	129.296.464	-	129.296.464	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Lãi tiền gửi - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Tân Định	1.906.457.895	-	1.392.787.500	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	925.467.981	(10.612.240)	642.920.719	(10.612.240)
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	168.169.536	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	721.446.100	-	606.765.274	-
+ Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	19.689.600	-	-	-
+ Phải thu đối tượng khác	16.162.745	(10.612.240)	36.155.445	(10.612.240)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>3.593.620.260</b>	<b>(10.612.240)</b>	<b>2.829.494.683</b>	<b>(10.612.240)</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	168.169.536	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	721.446.100	-	606.765.274	-
- Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	19.689.600	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	5.026.906.744	-	4.920.320.056	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.109.885.272	-	28.292.881.598	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.681.365.188	-	10.875.496.949	-
Thành phẩm	34.822.158.203	-	25.364.379.604	-
Hàng hóa	2.221.691.801	-	2.607.775.768	-
	<b>59.862.007.208</b>	<b>-</b>	<b>72.060.853.975</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2018	52.510.112.131	26.461.850.123	4.321.076.866	83.293.039.120
30/06/2018	<u>52.510.112.131</u>	<u>26.461.850.123</u>	<u>4.321.076.866</u>	<u>83.293.039.120</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2018	(32.774.759.693)	(22.255.968.598)	(2.712.068.843)	(57.742.797.134)
- Khấu hao trong kỳ	(838.144.632)	(1.130.853.022)	(182.410.644)	(2.151.408.298)
30/06/2018	<u>(33.612.904.325)</u>	<u>(23.386.821.620)</u>	<u>(2.894.479.487)</u>	<u>(59.894.205.432)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2018	<u>19.735.352.438</u>	<u>4.205.881.525</u>	<u>1.609.008.023</u>	<u>25.550.241.986</u>
30/06/2018	<u>18.897.207.806</u>	<u>3.075.028.503</u>	<u>1.426.597.379</u>	<u>23.398.833.688</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 17.729.743.736 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 25.903.182.222 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2018	26.132.193.780	747.561.445	26.879.755.225
30/06/2018	<u>26.132.193.780</u>	<u>747.561.445</u>	<u>26.879.755.225</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2018	(5.081.993.850)	(747.561.445)	(5.829.555.295)
- Khấu hao trong kỳ	(303.862.716)	-	(303.862.716)
30/06/2018	<u>(5.385.856.566)</u>	<u>(747.561.445)</u>	<u>(6.133.418.011)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2018	<u>21.050.199.930</u>	-	<u>21.050.199.930</u>
30/06/2018	<u>20.746.337.214</u>	-	<u>20.746.337.214</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 20.746.337.214 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 747.561.445 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>256.497.310.946</b>	<b>256.497.310.946</b>	<b>435.288.061.879</b>	<b>435.288.061.879</b>
- ShenZhen ChuangWei - RGB Electronics Co., Ltd	64.195.163.462	64.195.163.462	118.894.833.035	118.894.833.035
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	187.093.590.483	187.093.590.483	311.325.402.074	311.325.402.074
- Các đối tượng khác	5.208.557.001	5.208.557.001	5.067.826.770	5.067.826.770
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
	<u>256.497.310.946</u>	<u>256.497.310.946</u>	<u>435.288.061.879</u>	<u>435.288.061.879</u>
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>187.093.590.483</b>	<b>187.093.590.483</b>	<b>311.325.402.074</b>	<b>311.325.402.074</b>
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	187.093.590.483	187.093.590.483	311.325.402.074	311.325.402.074

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	23.710.540.704	23.710.540.704	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.046.609.645	2.046.609.645	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.670.128.754	1.355.918.078	2.915.411.020	1.110.635.812
- Thuế thu nhập cá nhân	6.970.000	294.029.652	151.120.862	149.878.790
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	789.931.341	789.931.341	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	234.214.944	234.214.944	-
	<b>2.677.098.754</b>	<b>28.431.244.364</b>	<b>29.847.828.516</b>	<b>1.260.514.602</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.768.638.945</b>	<b>9.358.326.517</b>
- Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam, phía Bắc	339.537.736	248.309.129
- Chi phí thuê đất	12.736.698.770	8.491.132.880
- Chi phí phải trả khác	692.402.439	618.884.508
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>13.768.638.945</b>	<b>9.358.326.517</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.150.984.880</b>	<b>15.471.470.650</b>
- Kinh phí công đoàn	98.327.680	45.913.050
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.052.657.200	15.425.557.600
+ Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo Xây dựng Địa ốc Việt Hân (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.052.657.200	5.425.557.600
<b>Dài hạn</b>	<b>6.405.242.818</b>	<b>5.719.762.167</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.405.242.818	5.719.762.167
	<b>26.556.227.698</b>	<b>21.191.232.817</b>

(\*) Đây là khoản tiền nhận trước để hợp tác thực hiện dự án tại 06 Phạm Văn Hai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>52.400.000.000</b>	<b>25.400.000.000</b>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (1)</i>	27.000.000.000	27.000.000.000	52.400.000.000	25.400.000.000	-	-
	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>52.400.000.000</b>	<b>25.400.000.000</b>	-	-

Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0346/TD4/17LD ký ngày 26/06/2017 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 43.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: theo thông báo của ngân hàng trên từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Quy định trên hợp đồng cấp tín dụng số 0001/TD4/13 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại Lô B58/II - B59/II, đường số 2E - KCN Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp HCM.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2017</b>	<b>119.820.500.000</b>	<b>69.306.398.800</b>	<b>(22.877.138.591)</b>	<b>7.335.740.792</b>	<b>37.765.540.940</b>	<b>211.351.041.941</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	16.672.274.633	16.672.274.633
- Giảm khác	-	-	-	-	(32.022.699.985)	(32.022.699.985)
<b>31/12/2017</b>	<b>119.820.500.000</b>	<b>69.306.398.800</b>	<b>(22.877.138.591)</b>	<b>7.335.740.792</b>	<b>22.415.115.588</b>	<b>196.000.616.589</b>
<b>01/01/2018</b>	<b>119.820.500.000</b>	<b>69.306.398.800</b>	<b>(22.877.138.591)</b>	<b>7.335.740.792</b>	<b>22.415.115.588</b>	<b>196.000.616.589</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.423.672.312	5.423.672.312
- Phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	(9.396.945.971)	(9.396.945.971)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.333.781.971)	(1.333.781.971)
+ Cổ tức	-	-	-	-	(8.063.164.000)	(8.063.164.000)
- Truy thu thuế TNDN	-	-	-	-	(161.517.900)	(161.517.900)
<b>30/06/2018</b>	<b>119.820.500.000</b>	<b>69.306.398.800</b>	<b>(22.877.138.591)</b>	<b>7.335.740.792</b>	<b>18.280.324.029</b>	<b>191.865.825.030</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin Học Việt Nam	66.549.600.000	66.549.600.000
Vốn góp của các đối tượng khác	53.270.900.000	53.270.900.000
	<b>119.820.500.000</b>	<b>119.820.500.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	119.820.500.000	119.820.500.000
+ Vốn góp đầu kỳ	-	-
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(9.396.945.971)	(30.252.656.000)

**18.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2018	01/01/2018
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.177.530
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.177.530
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.804.520
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.804.520
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**18.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.335.740.792	7.335.740.792



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng	236.284.050.152	336.967.098.377
	<b>236.284.050.152</b>	<b>336.967.098.377</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>26.389.163.269</b>	<b>34.160.351.702</b>
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	8.788.843.454	4.303.232.580
+ Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	16.859.589.346	9.641.458.239
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	740.730.469	20.215.660.883

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Hàng bán bị trả lại	97.351.176	792.000
	<b>97.351.176</b>	<b>792.000</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	209.852.628.232	312.663.191.984
	<b>209.852.628.232</b>	<b>312.663.191.984</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.081.665.296	1.675.316.327
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.768.912	55.259.445
Doanh thu hoạt động tài chính khác	666.586.400	1.192.631.824
	<b>2.750.020.608</b>	<b>2.923.207.596</b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	233.587.670	97.250.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	112.586.012	1.506.272.502
	<b>346.173.682</b>	<b>1.603.522.502</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>5.407.187.047</b>	<b>5.682.523.395</b>
Chi phí nhân viên	3.240.904.911	2.815.065.915
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.327.933	79.001.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.830.947	157.032.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.739.360	1.614.544.403
Chi phí khác	1.400.383.896	1.016.879.724
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>16.422.347.195</b>	<b>15.420.799.040</b>
Chi phí nhân viên	3.203.965.732	3.277.312.242
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.898.558	92.048.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.200.800.626	2.303.534.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.134.109.156	8.065.861.946
Chi phí khác	9.847.573.123	1.682.041.664
	<b>21.829.534.242</b>	<b>21.103.322.435</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.364.098.130	250.283.151.705
Chi phí nhân công	10.465.522.563	8.669.676.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.455.271.014	2.461.567.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.731.028.048	9.267.781.124
Chi phí khác bằng tiền	4.399.940.424	3.089.210.642
	<b>218.415.860.179</b>	<b>273.771.387.043</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.779.590.390	4.463.863.360
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.779.590.390	4.463.863.360
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.355.918.078	892.772.672
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>1.355.918.078</b>	<b>892.772.672</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	52.400.000.000	16.800.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	25.400.000.000	28.800.000.000

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

**Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2018 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.518.652	3.663.460.209
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.200.000.000	69.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	313.288.476.826	440.066.364.419
Đầu tư dài hạn	4.681.989.312	4.681.989.312
<b>Cộng</b>	<b>375.200.984.790</b>	<b>518.111.813.940</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	27.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	282.955.210.964	456.433.381.646
Chi phí phải trả	13.768.638.945	9.358.326.517
<b>Cộng</b>	<b>323.723.849.909</b>	<b>465.791.708.163</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>51.477.134.881</b>	<b>52.320.105.777</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do toàn bộ các giao dịch kinh tế của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VNĐ.

#### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2018</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	27.000.000.000	-	27.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	276.549.968.146	6.405.242.818	282.955.210.964
Chi phí phải trả	13.768.638.945	-	13.768.638.945
<b>Cộng</b>	<b>317.318.607.091</b>	<b>6.405.242.818</b>	<b>323.723.849.909</b>
<b>01/01/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	450.713.619.479	5.719.762.167	456.433.381.646
Chi phí phải trả	9.358.326.517	-	9.358.326.517
<b>Cộng</b>	<b>460.071.945.996</b>	<b>5.719.762.167</b>	<b>465.791.708.163</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.518.652	-	3.030.518.652
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	54.200.000.000	-	54.200.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	313.288.476.826	-	313.288.476.826
Đầu tư dài hạn	-	4.681.989.312	4.681.989.312
<b>Cộng</b>	<b>370.518.995.478</b>	<b>4.681.989.312</b>	<b>375.200.984.790</b>
<b>01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.663.460.209	-	3.663.460.209
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	69.700.000.000	-	69.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	440.066.364.419	-	440.066.364.419
Đầu tư dài hạn	-	4.681.989.312	4.681.989.312
<b>Cộng</b>	<b>513.429.824.628</b>	<b>4.681.989.312</b>	<b>518.111.813.940</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

**29. THÔNG TIN KHÁC**

**29.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ	55,54%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	Công ty con	51%
Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội	Công ty con	81,86%
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con	70%

**Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tiền lương, thưởng	436.731.000	522.792.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch với bên liên quan**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB		
- Bán hàng	9.667.727.799	4.303.232.580
- Mua hàng	109.127.323.394	198.532.128.156
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội		
- Bán hàng	18.545.548.281	9.641.458.239
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB		
- Bán hàng	814.803.518	20.215.660.883
- Mua hàng	42.235.400	40.023.219

**29.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

**29.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét.



**Vũ Dương Ngọc Duy**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2018

**Trương Thị Thùy Linh**  
Kế toán trưởng

**Hà Ngọc Yến**  
Người lập